

Số:1913/2022/QĐST-VHNGĐ

B, ngày 02 tháng 11 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

Căn cứ vào các điều 212, 213 và 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 2710/2022/TLST-VHNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2022, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

+ Ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1992.

Địa chỉ thường trú: 1207F, tổ 11B, khu phố B, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

+ Bà Trần Thị Sa L, sinh năm 1995

Địa chỉ thường trú: Thôn 3, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Hoàng T và bà Trần Thị Sa L thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Có 01 con chung, Cháu Nguyễn Kiều Kim S— sinh ngày 16/9/2020. Ly hôn giao cháu Nguyễn Kiều Kim S cho bà Trần Thị Sa L trực tiếp nuôi dưỡng, ông Nguyễn Hoàng T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 20.000.000đ.

[3] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án không giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Hoàng T và bà Trần Thị Sa L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung, Cháu Nguyễn Kiều Kim S, sinh ngày 16/9/2020. Ly hôn giao cháu Nguyễn Kiều Kim S cho bà Trần Thị Sa L trực tiếp nuôi dưỡng, ông Nguyễn Hoàng T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án không giải quyết.

Kể từ ngày bà Trần Thị Sa L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Hoàng T chưa thanh toán số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về lệ phí Tòa án: ông Nguyễn Hoàng T và bà Trần Thị Sa L phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu lệ phí 0004426 ngày 19/10/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B, ông Nguyễn Hoàng T và bà Trần Thị Sa L đã nộp đủ lệ phí theo quy định.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố B (2);
- Chi cục THADS TP B (1);
- UBND nơi đăng ký kết hôn (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu: (3).

THẨM PHÁN

Nguyễn Phước Vinh